



LILAMA 7 JSC

TỔNG CÔNG TY LILAMA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 7
332, Đường 2/9, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
Tel: 0511.3642666 - Fax: 0 511.3621722
E-mail: lilamadvn@lilama7.com.vn,



BÁO CÁO

THƯỜNG NIÊN NĂM 2015



Đà Nẵng, tháng 03 năm 2016

MỤC LỤC

I. Thông tin chung/ General information	4
1. Thông tin khái quát/ General information.....	4
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:.....	6
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus.....	8
4. Định hướng phát triển/ Development orientations.....	14
5. Các rủi ro/ Risks:.....	17
a. Rủi ro về kinh tế.....	17
b. Lạm phát và giá cả.....	18
c. Rủi ro về tỷ giá.....	18
d. Rủi ro về Pháp Luật.....	18
e. Rủi ro về cạnh tranh.....	18
II. Tình hình hoạt động trong năm/ Yearly Operations	18
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations	18
2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource	19
Tổ chức và nhân sự trong năm 2015.....	20
a. Hội đồng quản trị:.....	20
b. Ban Tổng giám đốc.....	20
c. Ban kiểm soát.....	20
d. Kế toán trưởng:.....	20
A. Sơ yếu lý lịch tóm tắt Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng tính đến thời điểm báo cáo.	21
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation.....	32
a) Các khoản đầu tư lớn/ Major investments:.....	32
b) Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies:.....	32
4. Tình hình tài chính/ Financial situation	34
a) Tình hình tài chính/ Financial situation.....	34
b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:.....	35
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.....	36
a) Cổ phần/Shares:	36
Cổ phần: - Tổng số cổ phần của Công ty cổ phần Lilama7 là: 5.000.000 CP.....	36
b. Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure:	36
c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity:.....	37
d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ Transaction of treasury stocks:.....	37
e) Các chứng khoán khác/ Other securities:.....	37
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Report related impact of the Company on the environment and society	38
6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:.....	38
6.2. Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:.....	38
6.3. Tiêu thụ nước:.....	38
6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:.....	39
6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees	39
6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.....	40
6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ Green capital market activities under the guidance of the SSC.	40



III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)

.....	40
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results.....	40
<i>a. Phân tích những nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh:</i>	40
2. Tình hình tài chính/ Financial Situation.....	43
<i>a) Tình hình tài sản/ Assets</i>	43
<i>b) Tình hình nợ phải trả/ Liabilities</i>	44
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.....	45
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future.....	45
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có).....	45
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company.....	46

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies).....

.....	46
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.	46
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance	46
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors.....	46

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section).....

.....	47
1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors	47
<i>a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/Members and structure of the Board of Directors:</i>	47
<i>b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/The committees of the Board of Director:</i>	48
<i>c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors:</i>	48
<i>Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:</i>	48
<i>d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/Activities of independent members of the Board of Directors.</i>	49
<i>e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance training programs in the year. (Không phát sinh trong năm).....</i>	50
2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors.....	50
<i>a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Members and structure of the Board of Supervisors:</i>	50
<i>(Danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/ list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company)...</i>	50
<i>b) Hoạt động của Ban kiểm soát/Activities of the Board of Supervisors:</i>	50

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors.	51
a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/Salary, rewards, remuneration and benefits:51	
b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/Transactions of internal shareholders:	52
c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ Contracts or transactions with internal shareholders:	52
d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ Implementation of regulations on corporate governance:	52
VI. Báo cáo tài chính/ Financial statements	53
1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions	53
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm:	53

Phụ lục số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:..../LILAMA7/HĐQT/BC

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ *Trading name*: Công ty cổ phần Lilama7 - Lilama 7 JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Certificate of business registration No*: 040100986
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*:
- Địa chỉ/*Address*: 332 đường 2/9 Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại/*Telephone*: 05113. 642666- 05113 621711
- Số fax/*Fax*: 05113.621722
- *Website*: lilama7.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any)*: LM7

Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ *Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

- Công ty Cổ phần Lilama 7 tiền thân là Xí nghiệp lắp máy số 7 được thành lập vào tháng 12 năm 1977. Năm 1993, Bộ xây dựng có quyết định thành lập lại Xí nghiệp Lắp máy số 7 thành doanh nghiệp Nhà nước và đến ngày 02/01/1996 Bộ xây dựng ra quyết định đổi tên doanh nghiệp thành Công ty lắp máy và xây dựng số 7 trực thuộc Tổng công ty lắp máy Việt Nam.

- Theo quyết định số: 04/QĐ-BXD ngày 04/01/2005 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc thực hiện sắp xếp, đổi mới, phát triển các Tổng công ty Nhà nước và Doanh nghiệp Nhà nước độc lập thuộc Bộ xây dựng năm 2005 và Công văn số:

80/TCT-HĐQT ngày 14/03/2005 của Tổng công ty Lắp Máy Việt Nam gửi các Công ty thành viên năm 2005.

- Công ty Lắp máy và xây dựng số 7 đã tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần và đã được Bộ xây dựng phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại quyết định số: 1800/QĐ-BXD ngày 28/12/2006 với giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm 0 giờ ngày 01/10/2006 là: 4.802.502.988 đồng (*Bốn tỷ, tám trăm linh hai triệu, năm trăm linh hai ngàn chín trăm tám mươi tám đồng*).

- Ngày 29/12/2006 Bộ xây dựng có quyết định số: 1803/QĐ - BXD về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Lắp máy và xây dựng số 7 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam với số vốn điều lệ 8 tỷ đồng (trong đó vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp là: 4.080.000.000 đồng chiếm 51% và phần vốn góp của các cổ đông công ty chiếm 49%).

- Ngày 15/03/2007 Công ty cổ phần Lilama 7 chính thức được thành lập theo quyết định số: 392/QĐ-BXD của Bộ xây dựng về việc chuyển Công ty Lắp máy và xây dựng số 7 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ là 8 tỷ đồng. Công ty cổ phần Lilama 7 chính thức đi vào hoạt động từ ngày 15/03/2007 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3203001431 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

- Ngày 23/05/2007 Bộ xây dựng có quyết định số: 717/QĐ-BXD về giá trị vốn nhà nước tại thời điểm 0 giờ ngày 01/06/2007 để bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty cổ phần Lilama 7 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam sang Công ty cổ phần Lilama 7.

- Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2007 số: 20/Lilama7/ĐHCD/NQ ngày 26/08/2007 và quyết định số 06/Lilama7/HĐQT/QĐ/00 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 7 về việc tăng vốn điều lệ từ 8 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng, tính đến ngày 25/09/2007 Công ty đã phát hành thành công thêm 42 tỷ đồng vốn điều lệ. Toàn bộ 50 tỷ đồng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Lilama 7 đã được Công ty kiểm toán và kế toán ASNAF xác nhận trong báo cáo kiểm toán vốn số: 79/BCKT/TC.

- Các sự kiện khác/Other events

- Công ty đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 01/02/2008 do tăng vốn điều lệ từ 8 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng và thay đổi lần thứ hai vào ngày 09/03/2011 để thay đổi người đại diện theo pháp luật.

- Ngày 30 tháng 09 năm 2010 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội có quyết định: 748/QĐ-SGDHN quyết định về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty cổ

phần Lilama 7. Ngày 28/10/2010 Cổ phiếu công ty cổ phần Lilama 7 chính thức giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Đại Hội cổ đông thường niên năm 2012 tiến thay đổi giấy phép kinh doanh vào ngày 14/05/2012 nhằm cập nhật mã ngành kinh tế theo quy định Pháp luật và bổ sung mã ngành mới 6810 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê.

- Ngày 30 tháng 01 năm 2015 Công ty cổ phần Lilama7 tiến hành thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 3 theo quy định của pháp luật, do thay đổi Người đại diện theo pháp luật.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Lines and locations of the business:*

- Ngành nghề kinh doanh/*Lines of the business:* (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Ngành nghề kinh doanh.

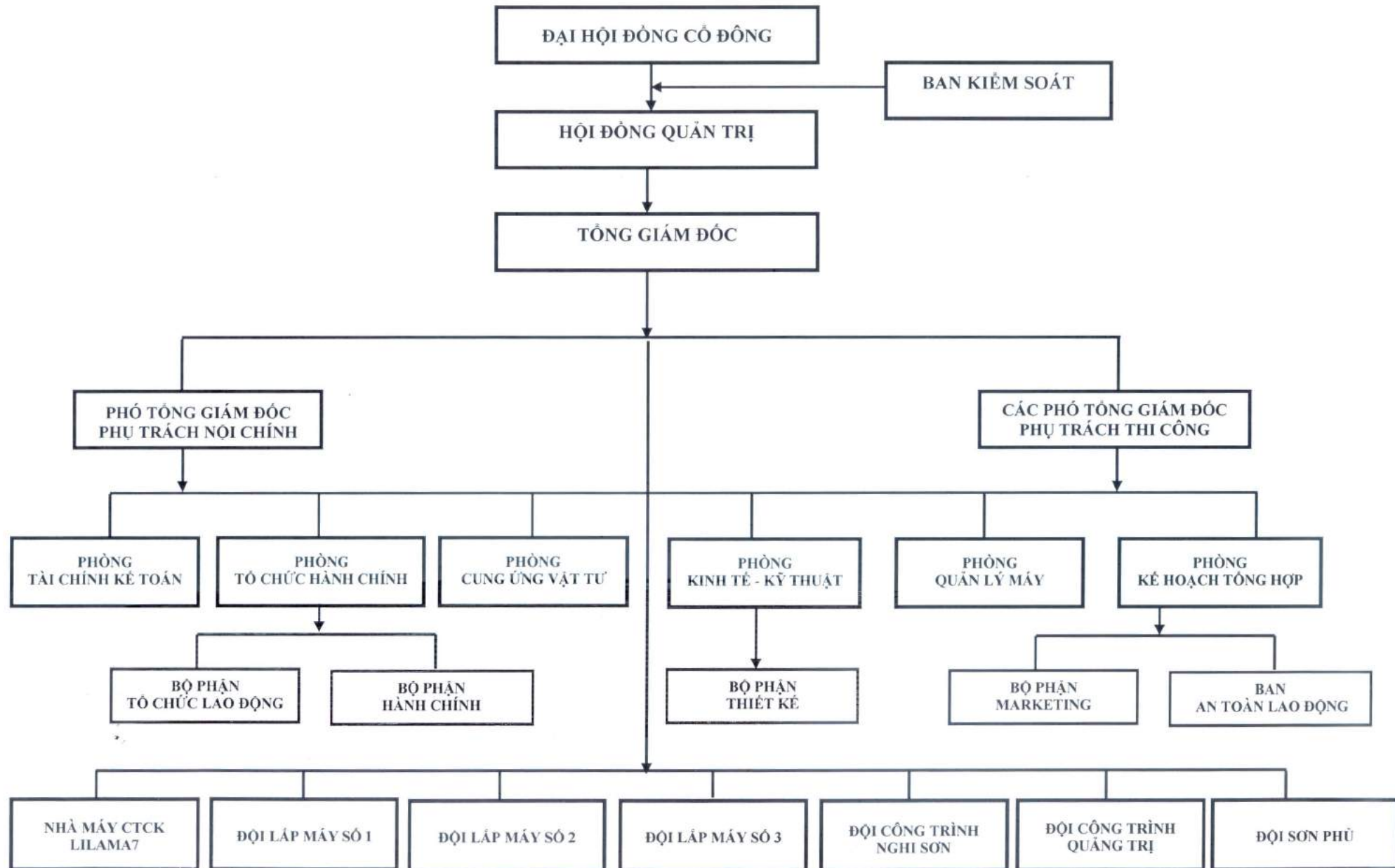
STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt thiết bị máy móc các công trình	3320(chính)
2	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát thiết kế, tư vấn xây dựng các công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Tư vấn đầu tư lắp đặt các dây chuyền công nghệ, kiểm tra mỗi hàn bằng phương pháp không phá hủy (siêu âm, thẩm thấu, tính từ Xray)	7110
3	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết:Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ; chống ăn mòn bề mặt kim loại.	7490
4	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp (xi măng, các công trình công nghiệp khác)	4100
5	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210

6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt các công trình thủy điện, nhiệt điện, dầu khí, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế.	4290
7	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng	2392
8	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: gia công chế tạo thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực (binh, bể, đường ống chịu áp lực), thiết bị cơ, thiết bị điện, kết cấu thép phi tiêu chuẩn, cung cấp lắp đặt và bảo trì thang máy.	2592
9	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn Chi tiết: Lắp đặt, sửa chữa thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực (binh, bể, đường ống chịu áp lực), thiết bị cơ, thiết bị điện, kết cấu thép phi tiêu chuẩn, cung cấp lắp đặt và bảo trì thang máy	3311
10	Đại lý Chi tiết: Đại lý mua, bán, kí gửi hàng hóa.	46101
11	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết : Sản xuất kinh doanh vật tư, đất đèn, que hàn, ô xy, phụ tùng cấu kiện kim loại cho xây dựng	2511
12	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Dịch vụ cho thuê kho, bãi, nhà xưởng.	6810
13	Thi công xử lý nền nóng, trang trí nội thất. Kinh doanh xuất, nhập, khâu vật tư thiết bị, các dây chuyền công nghệ, vật liệu xây dựng, điện máy, hóa chất, (trừ hóa chất độc hại mạnh), phụ tùng, dụng cụ cơ khí, dầu mỡ, khí công nghiệp. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa Địa điểm sản xuất, gia công: Khu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên chiểu, Thành phố Đà Nẵng.	<i>Ngành nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Trong phạm vi cả nước kể cả nước ngoài

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus



- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure*.

Công ty cổ phần Lilama 7 tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản pháp luật hiện hành và điều lệ của Công ty cổ phần Lilama 7.

• Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông ủy quyền. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- Thông qua kế hoạch phát triển của công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của ban kiểm soát và Hội đồng quản trị.

- Thông qua việc bổ sung và sửa đổi điều lệ.

- Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, bầu bãi nhiệm miễn nhiệm thành viên HĐQT, thông qua việc bổ nhiệm Tổng giám đốc của HĐQT.

- Thông qua mức thanh toán cổ tức hàng năm, và mức thù lao của HĐQT và BKS.

- Quyết định bộ máy tổ chức, quản lý của Công ty và nhiệm vụ khác theo quy định của điều lệ.

• Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị là tổ chức cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 5 thành viên với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty. Trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ.

Các thành viên Hội đồng quản trị gồm có

▪ Ông Nguyễn Văn Kiên	Chủ tịch
▪ Ông Tô Minh Thúc	Thành viên
▪ Ông Nguyễn Hồng Thái	Thành viên
▪ Ông Trần Hải Sơn	Thành viên
▪ Ông Nguyễn Vịnh	Thành viên

- HĐQT có quyền và nghĩa vụ giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty, quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định điều lệ.

- Quyết định kế hoạch SXKD và ngân sách hàng năm của Công ty.

- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua.

- Bổ nhiệm và miễn nhiệm những người quản lý của Công ty theo đề nghị Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ.

- Quyết định bộ máy tổ chức của Công ty

- Đề xuất mức trả cổ tức hàng năm và mức trả cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức.

- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu cho họp ĐHĐCĐ, thực hiện các thủ tục xin ý kiến Cổ đông thông qua các vấn đề quan trọng.

- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định điều lệ.

• Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty của Công ty cổ phần Lilama 7 có 03 thành viên do ĐHĐCĐ bổ nhiệm, nhiệm kỳ là 5 năm, thành viên ban kiểm soát có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế .

Các thành viên Ban kiểm soát gồm

- | | |
|---------------------|--------------------------|
| ▪ Nguyễn Mạnh Hường | Trưởng ban kiểm soát |
| ▪ Trần Anh Dũng | Thành viên ban kiểm soát |
| ▪ Trần Anh Đức | Thành viên ban kiểm soát |

Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;

- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban quản lý công ty;

- Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;

- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

• Ban tổng giám đốc

Ban tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 7 gồm 4 thành viên 01 Tổng giám đốc và 3 Phó tổng giám đốc.

- | | |
|------------------------|-------------------|
| ▪ Ông Tô Minh Thúy | Tổng giám đốc |
| ▪ Ông Nguyễn Hồng Thái | Phó tổng giám đốc |
| ▪ Ông Trần Hải Sơn | Phó tổng giám đốc |
| ▪ Ông Lê Văn Bảo | Phó tổng giám đốc |

Quyền hạn của Tổng giám đốc

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

- Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm;

- Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật;

- Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

- Bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

• Các phòng ban

▪ Phòng Kinh tế - Kỹ thuật:

- Chủ trì công tác khai thác và mở rộng thị trường, các công việc liên quan đến đầu thầu, thương thảo với khách hàng, dự thảo và rà soát các hợp đồng kinh tế;

- Cùng các phòng ban liên quan kiểm soát việc thực hiện các hợp đồng kinh tế đồng thời tổng hợp số liệu từ các phòng ban và báo cáo định kỳ các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty trên cơ sở năng lực, thiết bị nguồn vốn và kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty;

- Tham gia xây dựng tiến độ thi công chi tiết và biện pháp thi công; kiểm soát các nhà thầu và Đội thi công của Công ty về việc thực hiện đúng tiến độ, tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật;

- Tập hợp, lưu trữ và phổ biến các tài liệu kỹ thuật; Nghiên cứu cải tiến kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng và hạ giá thành sản phẩm;

▪ Phòng Tài chính – Kế toán:

- Đảm bảo các hoạt động kế toán trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng Luật kế toán của Nhà nước và các quy chế Công ty ban hành;

- Theo dõi, kiểm soát toàn bộ các khoản chi phí và doanh thu liên quan đến từng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và chiến lược phát triển Công ty;

▪ *Phòng Tổ chức – Hành chính:*

- Lập kế hoạch tuyển dụng, quản lý, điều phối và đào tạo nhân lực theo nhu cầu sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty;
- Giám sát việc thực hiện chế độ chính sách, thực hiện nội quy kỷ luật lao động tại đơn vị, thời gian làm việc của toàn Công ty;
- Kịp thời công tác thi đua khen thưởng; kỷ luật, khuyến khích thợ giỏi, cán bộ giỏi những người có tâm huyết với nghề;
- Chịu trách nhiệm quản lý trụ sở Văn phòng Công ty, trang thiết bị văn phòng tại Công ty và các đơn vị sản xuất, các dụng cụ hành chính toàn Công ty;
- Quản lý chặt chẽ con dấu, lưu trữ tài liệu công văn đi, đến sao trích lục các văn bản tài liệu pháp quy của Nhà nước, cấp trên theo luật định;
- Tiếp nhận thông tin, xây dựng lịch công tác, lịch hội họp sinh hoạt định kỳ và bất thường;
- Đảm bảo điều kiện phục vụ đời sống vật chất, tinh thần của CBCNV trong toàn Công ty.

▪ *Phòng Cung ứng - Vật tư:*

- Lập kế hoạch mua vật tư, sản phẩm cho các công trình, dự án của Công ty tham gia đánh giá, khảo sát giá cả để chọn nhà thầu cung cấp vật tư, sản phẩm trình Tổng giám đốc Công ty phê duyệt;
- Thực hiện các quy định về sắp xếp, bảo quản, cấp phát thanh quyết toán vật tư, dụng cụ và thu hồi vật tư, dụng cụ từ các công trình; Thực hiện các quy trình kiểm soát vật tư, sản phẩm mua vào do khách hàng cung cấp.

▪ *Phòng Quản lý máy:*

- Đảm bảo toàn bộ máy móc, thiết bị, dụng cụ của Công ty sẵn sàng hoạt động; Định kỳ kiểm tra tình trạng máy móc thiết bị tại các công trình;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để lập kế hoạch và mua sắm phụ tùng thay thế, vật tư cần thiết nhằm đảm bảo toàn bộ máy móc thiết bị luôn sẵn sàng hoạt động đầy đủ với tính năng thiết kế; đưa ra biện pháp quản lý phù hợp thực tế sao cho hiệu quả sử dụng máy móc thiết bị được tối ưu nhất.

▪ *Phòng Kế hoạch- Tổng hợp*

- Công tác xây dựng kế hoạch, chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty; xây dựng kế hoạch đầu tư và thực hiện lập các dự án đầu tư;
- Công tác thống kê tổng hợp sản xuất; báo cáo số liệu.
- Công tác ISO;
- Công tác kỹ thuật chất lượng QA/QC

- Công tác đào tạo, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, khoa học công nghệ.
- Công tác an toàn, bảo hộ lao động.
- Lập kế hoạch, thực hiện công tác xây dựng quảng bá và phát triển hình ảnh, thương hiệu của Công ty cổ phần Lilama 7.
- Lập kế hoạch, thực hiện công tác tiếp thị tìm kiếm việc làm.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng giám đốc giao.

• **Các đội công trình:**

Stt	Các đội công trình
1	Đội Lắp máy số I – Ông Nguyễn Duy Hưng- Đội trưởng
2	Đội Lắp máy số II – Ông Lê Nguyên Lộc- Đội trưởng
3	Đội Lắp máy số III – Ông Lê Ngọc Phước – Đội trưởng
4	Đội Lắp máy số IV – Ông Nguyễn Bình Phương – Đội trưởng
5	Đội Sơn - Ông Nguyễn Ngọc Hiệp- Đội trưởng
6	Nhà máy chế tạo cơ khí Lilama7- Ông Nguyễn Minh Hoàng – Phó giám đốc Nhà máy phụ trách Nhà máy

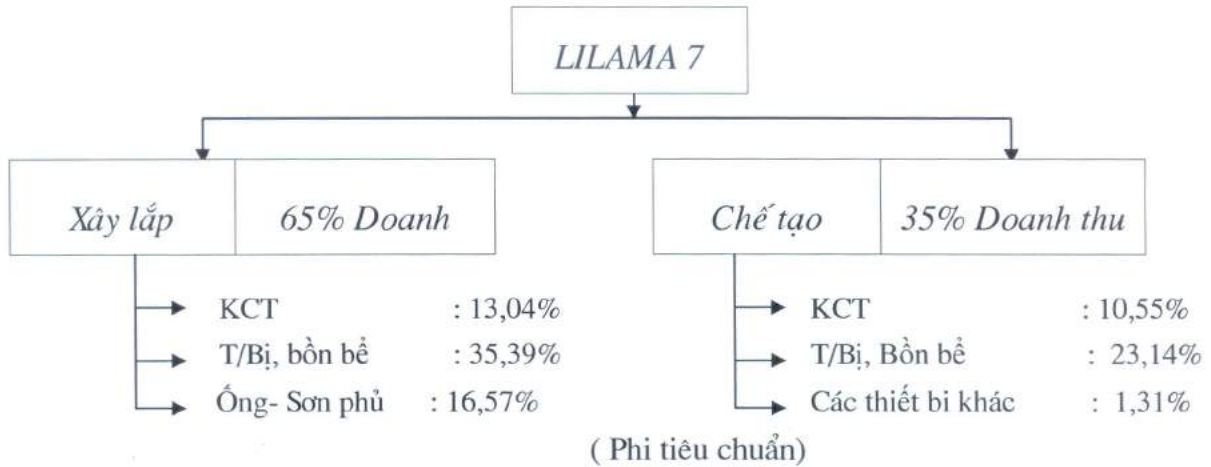
- Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ (Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies). (Không)

4. Định hướng phát triển/ Development orientations

- Căn cứ định hướng chiến lược, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty giai đoạn 2014-2020, và trên cơ sở sắp xếp các đơn vị thành viên theo ngành nghề kinh doanh chính và chuyên môn hóa của Tổng công ty.

- Căn cứ năng lực của Công ty cổ phần Lilama7.

Lilama7 sẽ khai thác thị trường chuyên sâu về gia công, chế tạo cơ khí và lắp đặt - Tập trung vào lĩnh vực **Chế tạo và lắp đặt thiết bị trong lĩnh vực Lọc hóa dầu, Giàn khoan dầu khí, Công nghệ chế biến**, nhằm xây dựng Lilama7 là đơn vị thành viên Tổng công ty có nền tảng tài chính lành mạnh, phát triển ổn định, hướng tới tăng trưởng bền vững.



- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company.*

- Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa giá trị thương hiệu Lilama7, nâng cao năng lực chế tạo và lắp đặt thiết bị, tạo ra lợi thế cạnh tranh trên thị trường tại khu vực Miền Trung Tây Nguyên.

- Xây dựng Lilama7 trở thành một đơn vị thành viên mạnh, có trình độ công nghệ, và chuyên môn phù hợp với quy mô và chiến lược phát triển.

- Là một trong các đơn vị chế tạo cơ khí, lắp đặt thiết bị và xây lắp dẫn đầu về thị phần trong nhóm ngành Lọc hóa dầu, Giàn khoan dầu khí, Công nghiệp chế biến tại khu vực Miền trung và Tây nguyên.

- Tập trung tiềm lực nhằm tăng năng lực cạnh tranh vào thị trường mục tiêu và phân khúc thị trường truyền thống tại khu vực Miền Trung và Tây Nguyên đối với các lĩnh vực gia công và lắp đặt thiết bị của nhà máy Công nghệ chế biến nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững.

- Tăng cường công tác đấu thầu và kiểm soát chi phí nhằm chào giá cạnh tranh tăng tỷ lệ trúng thầu, trên cơ sở tổ chức lại bộ phận lập dự toán và đấu thầu chuyên môn hóa từng lĩnh vực.

- Liên kết với các đơn vị thành viên trong Tổng Lilama để tạo lợi thế cạnh tranh, nhằm thắng thầu các dự án lớn.

- Đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả, lợi nhuận đạt ở mức khá so với các đơn vị cùng ngành, đồng thời luôn đảm bảo trả cổ tức cho các Cổ đông cao hơn lãi suất tiền gửi tiết kiệm trong cùng thời kỳ.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term.*

Sản xuất kinh doanh:

- Cùng cố vững chắc danh mục sản phẩm hiện tại từng bước chuyển đổi sang danh mục sản phẩm thuộc nhóm ngành Lọc hóa dầu, Giàn khoan dầu khí,

Công nghệ chế biến, đồng thời chú trọng gia tăng hàm lượng công nghệ, giảm tối đa các sản phẩm gia công thô. Tăng tỷ lệ nội địa hóa thiết bị đối với các dự án thuộc nhóm ngành này.

- Tổ chức quản lý tốt công tác thi công, thông qua việc thực hiện đồng bộ các giải pháp về đầu tư nâng cao năng lực thiết bị, công nghệ, tổ chức quản lý điều hành tốt, sử dụng lực lượng lao động có chất xám, tay nghề và kỹ năng lao động cao, nhằm đảm bảo thi công đúng tiến độ, đạt chất lượng để giữ vững uy tín với khách hàng, đồng thời khẳng định và quảng bá thương hiệu Lilama7.

- Trên cơ sở sắp xếp và sáp nhập các đội sản xuất có quy mô nhỏ có cùng lĩnh vực hoạt động, hoặc không phù hợp, kém hiệu quả, thành đơn vị có quy mô lớn, có năng lực quản lý, điều hành sản xuất tốt làm nòng cốt cho sự phát triển của Công ty.

- Xây dựng mô hình quản lý và cơ cấu tổ chức linh hoạt, để nhanh chóng thích ứng biến động của thị trường, đảm bảo mối liên kết và phối hợp nhịp nhàng giữa Công ty với các đơn vị sản xuất kinh doanh.

- Đánh giá năng lực và nhu cầu đào tạo đối với nhân sự nhằm nâng cao năng lực chuyên môn của Chỉ huy trưởng, Đội trưởng, cán bộ quản lý đấu thầu, lập dự toán, kỹ sư giám sát thi công, kế toán quản trị. Đồng thời đánh giá năng lực Cán bộ, kỹ sư dựa vào khả năng làm việc độc lập, trình độ ngoại ngữ phục vụ công việc để từ đó xây dựng đội ngũ Cán bộ có chuyên môn tham gia chuyên sâu vào nhóm ngành EPC dầu khí. (Lọc hóa dầu, Giàn khoan dầu khí, Công nghệ chế biến, Khác...).

- Đánh giá hiệu quả công việc, trên cơ sở mục tiêu của Công ty, bộ phận, đơn vị.

- Xây dựng cơ cấu lương thưởng theo kết quả công việc.

Tài chính:

- Quản lý chi phí vốn vay, tính toán lựa chọn lãi suất và thời điểm thích hợp để vay vốn nhằm tránh tình trạng thừa hoặc thiếu vốn hoạt động. Đồng thời xem xét lại nguồn vốn vay hiện nay, để sắp xếp và cơ cấu nguồn vốn theo hướng hợp lý nhằm giảm chi phí, tạo dựng sự bền vững về tài chính.

- Tăng cường nghiệp vụ kế toán quản trị và quản trị tài chính trên cơ sở thu thập số liệu thực tế để lập các chỉ số phản ánh tình hình tài chính của Công ty, nhằm phân tích được xu hướng và dự báo kịp thời để phục vụ công tác quản trị nội bộ và ra quyết định.

- Việc tính toán các dữ liệu kế toán tài chính đang sử dụng phần mềm đơn giản.

Để có được thông tin tài chính quản trị, Lilama7 cần đưa ra yêu cầu về phân tích thông tin tổng thể theo từng công trình, dự án và lĩnh vực hoạt động.

▪ Trên cơ sở tổng hợp doanh thu, chi phí và lợi nhuận của từng công trình mà Công ty đã thi công, phân tích và thấy rõ thế mạnh và hạn chế trong thi công tìm giải pháp khắc phục, và trên cơ sở giá trị về mặt tài chính đối với phân khúc thị trường của Công ty, để xác định trọng tâm phát triển và thoát khỏi các sản phẩm và dịch vụ không mang lại giá trị gia tăng và xu hướng đi xuống trong thời gian tới.

▪ Tổ chức có hiệu quả công tác thu hồi vốn, trên cơ sở phân công cụ thể lãnh đạo Công ty phụ trách theo dõi và xử lý kịp thời, có chế độ thưởng đối với đơn vị cá nhân có thành tích tốt và phạt đối với từng đơn vị, cá nhân gây chậm trễ ảnh hưởng đến công tác thu hồi vốn.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

Công tác đời sống CBCNV:

- Tham gia đầy đủ chế độ chính sách với Người lao động.
- Cải thiện điều kiện làm việc, nơi ăn ở của CBCNV ở Đội công trình và khu tập thể lán Trại.
- Duy trì chế độ khuyến khích thợ giỏi, khoán đơn giá tiền lương và định mức khoán đảm bảo sự công bằng xã hội và kích thích sản xuất phát triển.
- Đẩy mạnh phong trào văn hóa, văn nghệ thể thao quần chúng tạo ra cuộc sống tinh thần sôi động, sống lành mạnh, tích cực tham gia các phong trào với địa phương hiệu quả.

5. Các rủi ro/ Risks:

(Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).

a. Rủi ro về kinh tế

Công ty cổ phần Lilama 7 hoạt động trong lĩnh vực Xây lắp máy. Đây là ngành công nghiệp nặng chịu tác động ảnh hưởng trực tiếp của nền kinh tế.

Trong năm 2015 kinh tế trong nước đã phục hồi, tăng trưởng kinh tế ổn định, nhiều chỉ tiêu kinh tế xã hội đã vượt mục tiêu đề ra đi kèm với việc cải thiện niềm tin của nhà đầu tư và doanh nghiệp.

Tuy nhiên kinh tế năm 2016 vẫn còn nhiều rủi ro đến từ môi trường chính sách trong nước. Trong đó, có thể kể đến áp lực đối với tỷ giá và lãi suất trong nước khi USD tăng. Ngoài ra, rủi ro lạm phát do thâm hụt ngân sách Nhà nước, nợ công, tỷ giá, năng lực cạnh tranh, khiến tăng giá các mặt hàng, tăng lương, chi phí cho doanh nghiệp và còn rất nhiều vấn đề.

b. Lạm phát và giá cả.

Nguyên vật liệu đầu vào giảm đáng kể, các biện pháp chính phủ Việt Nam kiềm chế lạm phát trong năm 2015 đã phát huy tác dụng, bằng những biện pháp quyết liệt trong chính sách tài khóa và tiền tệ, tốc độ tăng chỉ số tiêu dùng, tăng tổng cầu trong năm 2015. Tuy nhiên, kinh tế năm 2016 vẫn còn nhiều rủi ro đến từ môi trường chính sách trong nước. Ngoài ra, rủi ro lạm phát do thâm hụt ngân sách Nhà nước kéo dài khiến tăng giá các mặt hàng, dịch vụ nhà nước kiểm soát giá; tăng lương, chi phí cho doanh nghiệp..

c. Rủi ro về tỷ giá

Công ty cổ phần Lilama7 nhập một số nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất, đồng tiền dùng để thanh toán chủ yếu đô la Mỹ (USD), trong khi đó sản phẩm của Công ty chủ yếu tiêu thụ thị trường trong nước, do đó biến động tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp SXKD của Công ty, Trong đó, có thể kể đến áp lực đối với tỷ giá và lãi suất trong nước khi USD tăng và lãi suất tăng ảnh hưởng trực tiếp chi phí sản xuất.

d. Rủi ro về Pháp Luật

Là doanh nghiệp hoạt động ở lĩnh vực xây lắp phải tuân thủ các quy định pháp luật của Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật thuế, Luật xây dựng, Luật chứng khoán và các văn bản liên quan đến thị trường chứng khoán, nhất là khi Công ty đã niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Vì vậy, nếu công ty không nắm bắt kịp sự thay đổi của các chính sách hệ thống pháp luật, sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.

e. Rủi ro về cạnh tranh.

Công ty cổ phần Lilama7 hoạt động trong lĩnh vực xây lắp máy, đây là lĩnh vực cạnh tranh rất gay gắt, nhất là hoạt động trong khu vực Miền Trung công nghiệp các dự án ít triển khai rất ít, và những năm gần đây có sự xuất hiện của các Nhà thầu Trung Quốc và các tập đoàn nước ngoài.

Do đó Công ty cổ phần Lilama7 nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm, khẳng định thương hiệu của mình trên thị trường, mới tồn tại và phát triển.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ Yearly Operations

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ Results of business operations in the year: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi,

biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc..

Năm 2015 Kinh tế - xã hội nước ta diễn ra trong bối cảnh trong và ngoài nước có những yếu tố thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn, thách thức. Ở trong nước, sản xuất kinh doanh nhìn chung thuận lợi do giá dầu giảm mạnh nên không chịu nhiều sức ép về chi phí đầu vào. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần LILAMA7 vẫn gặp nhiều khó khăn do các yếu tố như: khó khăn của năm trước để lại; việc làm ít, chưa ổn định; nợ thuế, nợ BHXH và ngân hàng lớn.

Doanh thu thực hiện năm 2015 đạt 152.601 **triệu đồng**, đạt 95,38% so với kế hoạch năm tăng 114,83% so với năm 2014. Tuy năm 2015 vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng được sự chỉ đạo và lãnh đạo sát sao, luôn tâm huyết, phát huy tối đa trình độ, trí tuệ và năng lực làm việc với tinh thần và trách nhiệm cao nhất của Hội đồng quản trị và đặc biệt công tác điều hành của Ban tổng giám đốc, cùng sự đồng thuận cao của tập thể cán bộ, công nhân trong Công ty, nên đã thực hiện hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 và tăng 114,83% doanh thu so với so với năm 2014.

Kết quả sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	%TH2015 /KH 2015	% TH2015 /TH2014
1	Giá trị sản lượng	200.000	196.059	98,02%	102,65%
2	Doanh thu	160.000	152.601	95,38%	114,83%
3	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	2.000	3.248	162,40%	371,20%
4	Lợi nhuận trước thuế còn lại	2.000	833	41,65%	145,54%
5	Nộp ngân sách	5.700	8.350	146,50%	92,88%
6	Đầu tư XD CB	10.000	0	0%	0%
7	Tổng số lao động BQ (người)	600	548	91,33%	81,31%
8	Thu nhập BQ/người/tháng	5	6,19	123%	129%

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ List of the Board of Directors: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ List, curriculum vitae and ownership percentage in voting

shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers).

Tổ chức và nhân sự trong năm 2015

a. Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Kiên	Chủ tịch HĐQT
2	Tô Minh Thúy	Ủy viên HĐQT
3	Nguyễn Hồng Thái	Ủy viên HĐQT
4	Trần Hải Sơn	Ủy viên HĐQT
5	Nguyễn Vịnh	Ủy viên HĐQT

b. Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Tô Minh Thúy	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Hồng Thái	Phó Tổng Giám đốc
3	Trần Hải Sơn	Phó Tổng Giám đốc
4	Lê Văn Bảo	Phó Tổng Giám đốc

c. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Mạnh Hưởng	Trưởng Ban kiểm soát
2	Trần Anh Đức	Thành viên Ban kiểm soát
3	Trần Anh Dũng	Thành viên Ban kiểm soát

d. Kế toán trưởng:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Võ Duy Chính	Kế toán trưởng

A . Sơ yếu lý lịch tóm tắt Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng tính đến thời điểm báo cáo.

Nguyễn Văn Kiên - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : **Nguyễn Văn Kiên**
Giới tính : Nam
Ngày sinh : 20/02/1960
Nơi sinh : Nam Hải, Nam Trực, TP Nam Định
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Số CMND : 024058338
Nơi cấp : Công an TPHCM, Ngày cấp: 07/04/2009
Quê quán : Nam Hải, Nam Trực, TP Nam Định
Địa chỉ thường trú : Số 51B, đường 359, P Phước Long B, quận 9, TPHCM
Số điện thoại liên lạc : 05113642666
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện
Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 1984-1988	Liên hiệp các xí nghiệp Lắp máy
Từ 1988-1992	Đội trưởng Xí nghiệp Liên Hợp Lắp máy
Từ 1992-1998	Phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Lắp máy và Xây dựng số 18
Từ 1998-2001	Phó giám đốc Xí nghiệp Lắp máy 18-2, Công ty Lắp máy và Xây dựng số 18
Từ 2001-2007	Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Lắp máy & Xây dựng số 18
Từ 2007-02/2011	Thành viên HĐQT - Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 18
Từ 03/2011 - 28/01/2015	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 7
Từ 29/01/2015 - đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Lilama 7

Tô Minh Thuý – Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc

Họ và tên : **Tô Minh Thuý**
Giới tính : Nam
Ngày sinh : 12/09/1974
Nơi sinh : Bắc Sơn, Đô Lương, Nghệ An
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Số CMND : 181971614
Nơi cấp : Công an Nghệ Tĩnh, Ngày cấp: 17/01/1991
Quê quán : Xóm 5, Xã Bắc Sơn, Đô Lương, Nghệ An
Địa chỉ thường trú : 25 Lý Nhân Tông, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc : 0913401911
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư xây dựng.
Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 01/1997 - 09/1998	Nhân viên phòng kế toán Công ty lắp máy & xây dựng số 7
Từ 10/1998 - 12/2003	Trưởng phòng kế toán Công ty lắp máy & xây dựng số 7
Từ 01/2004 - 03/2009	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Lilama 7
Từ 04/2009 - 28/01/2015	Thành viên Hội đồng quản trị - Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 7
Từ 29/01/2015 Đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc công ty cổ phần Lilama7

Nguyễn Hồng Thái – Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : **Nguyễn Hồng Thái**
Giới tính : Nam
Ngày sinh : 05/06/1959
Nơi sinh : Nghi Trường, Nghi Lộc, Nghệ An
Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh
Số CMND : 204319852
Nơi cấp : Công an Quảng Nam, Ngày cấp: 23/05/1993
Quê quán : Nghi Trường, Nghi Lộc, Nghệ An
Địa chỉ thường trú : An Cư, An Hải Bắc, TP Đà Nẵng.
Số điện thoại liên lạc : 0913405226
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật
Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 10/1981 - 09/1985	Giáo viên trường ng kỹ thuật xí nghiệp lắp máy số 7
Từ 10/1985 - 02/1993	Kỹ thuật đội công trình Sợi, Huế
Từ 03/1993 - 12/2004	Trưởng phòng tổ chức lao động Công ty lắp máy & Xây dựng số 7
Từ 01/2005 - 05/2007	Phó giám đốc Công ty lắp máy & Xây dựng số 7
Từ 06/2007 - đến nay	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 7

Trần Hải Sơn - Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : **Trần Hải Sơn**
Giới tính : Nam
Ngày sinh : 19/02/1970
Nơi sinh : Xã Hiền Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Số CMND : 194205436
Nơi cấp : Công an Quảng Bình, Ngày cấp: 22/08/2000
Quê quán : Xã Hiền Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình
Địa chỉ thường trú : 179 đường Ý Lan Nguyễn Phi, tổ 103. Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Số điện thoại liên lạc : 0913412741

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí động lực

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 1997 - 2000	Kỹ thuật, Công ty lắp máy và Xây dựng số 7
Từ 2000 - 2001	Phó giám đốc xí nghiệp 701, Công ty lắp máy và Xây dựng số 7
Từ 2001 - 2002	Đội phó đội công trình thuộc Công ty lắp máy & Xây dựng số 7
Từ 2002- 2005	Đội trưởng đội Hàm đào Hải vân, Công ty lắp máy và Xây dựng số 7
Từ 2006 - 2007	Chỉ huy trưởng đội công trình công ty lắp máy và Xây dựng số 7
Từ 2007 - đến nay	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 7

Nguyễn Vĩnh - Ủy viên HĐQT

Họ và tên : **Nguyễn Vĩnh**

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 20/01/1969

Nơi sinh : Vĩnh Điện, Điện Bàn, Quảng Nam

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Số CMND : 200957548

Nơi cấp : Công an Đà Nẵng, Ngày cấp: 22/07/2004

Quê quán : Vĩnh Điện, Điện Bàn, Quảng Nam

Địa chỉ thường trú : 88 Trần Phước Thành, Cẩm Lệ, Đà Nẵng

Số điện thoại liên lạc : 0905202272

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hoá

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 1998 - 2006	Kỹ thuật, Công ty lắp máy và Xây dựng số 7
Từ 2006 - 2008	Phó phòng kinh tế kỹ thuật, Công ty lắp máy và xây dựng số 7
Từ 2008 - 2009	Chỉ huy trưởng Công trình nhà máy lọc dầu Dung quất, Quảng Ngãi, Công ty CP Lilama 7
Từ 2009 - đến nay	Trưởng phòng KT - KT, Công ty CP Lilama 7

Lê Văn Bảo – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Lê Văn Bảo

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 31/07/1976

Nơi sinh : Vĩnh Linh - Quảng Trị

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Số CMND : 197044183

Nơi cấp: : Công an Quảng Trị Ngày cấp: 29/04/2004

Quê quán : Thôn Tây - Vĩnh Thành - Vĩnh Linh - Quảng Trị

Địa chỉ thường trú : Thôn Tây - Vĩnh Thành - Vĩnh Linh - Quảng Trị

Số điện thoại liên lạc : 0905571791

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 05/2002 - 04/2004	Nhân viên Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam làm việc tại công trình NM lọc dầu Dung Quất
Từ 04/2004 - 03/2005	Nhân viên Phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Lắp máy và Xây dựng số 18 - làm việc tại dự án NM Nhiệt điện Phú Mỹ 4
Từ 03/2005 - 05/2005	Nhân viên Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam làm việc tại công trình NM Điện - Đạm Cà Mau

Từ 05/2005 - 04/2006	Nhân viên Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam làm việc tại công trình NM Xi măng Sông Gianh
Từ 04/2006 - 07/2006	Phó Văn phòng đại diện Lilama tại Công trình NM xi măng Sông Gianh
Từ 7/2006 - 12/2008	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 7 - Chỉ huy trưởng Công trình Nhà máy lọc dầu Dung Quất
Từ 12/2008 - 3/2011	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 7
Từ 3/2011- 01/2014	Biệt phát tại Tổng công ty lắp máy Việt Nam
Từ 01/2014- Nay	Về lại công ty cổ phần Lilama7- Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 7 kiêm Chỉ huy trưởng Công trình MDF Quảng Trị.

Nguyễn Mạnh Hường – Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên : Nguyễn Mạnh Hường
 Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 14 - 01 - 1982.
 Nơi sinh : Lâm Thao - Phú Thọ.
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Số CMND : 131617690
 Nơi cấp : Công an Phú Thọ Ngày cấp: 13-07-1999
 Quê quán : Trường Thịnh, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ
 Địa chỉ thường trú : P808 Nhà N01Khu Ba Hàng A số 282 Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
 Số điện thoại liên lạc : 0912882006
 Trình độ văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 01/2005 – đến nay	Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam

Trần Anh Đức - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên : **Trần Anh Đức**
Giới tính : Nam
Ngày sinh : 10/06/1982
Nơi sinh : Phường Quán Bàu - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Số CMND : 182505164
Nơi cấp : Công an Nghệ An Ngày cấp: 13/01/2010
Quê quán : Đức Tùng - Đức Thọ - Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú : Tổ 9, Khối 12, Phường Quán Bàu, TP Vinh, Nghệ An
Số điện thoại liên lạc : 0903212555
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Điện tử - Viễn thông
Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 6/2006 đến 03/2007	Nhân viên Phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty cổ phần Lilama 7
Từ 03/2007 đến nay	Nhân viên Phòng Tổ chức - Lao động Công ty cổ phần Lilama 7

Trần Anh Dũng – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên : **Trần Anh Dũng**
Giới tính : Nam
Ngày sinh : 03/05/1977
Nơi sinh : Vĩnh Tú- Vĩnh Linh - Quảng Trị
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Số CMND : 230541849
Nơi cấp : Công an Gia Lai Ngày cấp: 18/10//2004
Quê quán : Vĩnh Tú- Vĩnh Linh - Quảng Trị
Địa chỉ thường trú : Tổ 1, Trung Nghĩa, Hòa Ninh, Liên Chiểu, Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc : 0983330363
Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 03/2007 đến nay	Nhân viên Phòng Cung ứng - Vật tư Công ty cổ phần Lilama 7

Võ Duy Chính - Kế toán trưởng

Họ và tên : **Võ Duy Chính**

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 07/03/1969

Nơi sinh : Nghĩa Đồng - Tân Kỳ - Nghệ An

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Số CMND : 201571657

Nơi cấp : Công an Đà Nẵng, Ngày cấp: 14/02/2006

Quê quán : Nghĩa Đồng - Tân Kỳ - Nghệ An

Địa chỉ thường trú : K382/7 Núi Thành - Đà Nẵng

Số điện thoại liên lạc : 0903520007

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 1994 - 1996	Ban Thanh tra UBND Huyện Tân Kỳ - Nghệ An
Từ 1996 - 2000	Cán bộ Phòng Tài chính - Kế toán, Công ty lắp máy & Xây dựng số 7
Từ 2000 - 03/2009	Phó phòng Tài chính - Kế toán, Công ty lắp máy & Xây dựng số 7 (Công ty Cổ phần Lilama 7)
Từ 04/2009 - 03/2010	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Công ty Cổ phần Lilama 7
Từ 03/2010 - đến nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Lilama 7

Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng (phần sở hữu cá nhân):

Stt	Họ Và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu tại ngày niêm yết đến ngày 15/03/2016
1	Nguyễn Văn Kiên	Chủ tịch HĐQT	20.500
2	Tô Minh Thúy	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	49.921
3	Nguyễn Hồng Thái	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	7.252
4	Trần Hải Sơn	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	20.364
5	Nguyễn Vịnh	Thành viên HĐQT - Trưởng phòng KTKT	7.124
6	Lê Văn Bảo	Phó Tổng Giám đốc	0
7	Võ Duy Chính	Kế toán trưởng	9.008
8	Nguyễn Mạnh Hưởng	Trưởng BKS	5.000
9	Trần Anh Dũng	Thành viên BKS	0
10	Trần Anh Đức	Thành viên BKS	0

Cổ đông lớn: không có giao dịch

- *Giao dịch cổ phiếu người có liên quan:* Không có giao dịch

Thông tin về các giao dịch cổ phiếu, chuyển nhượng phần vốn góp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, Cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát trong năm 2014: *Không có giao dịch.*

- *Thay đổi trong ban điều hành năm 2015.*

Trong năm 2015 Công ty đã có một số thay đổi về cơ cấu bộ máy quản lý, tăng hiệu quả công tác điều hành & quản trị công ty. Cụ thể:

TT	QĐ	Nội dung	Ngày hiệu lực	Ghi chú
1	03/LILAMA7 /HĐQT/QĐ	Thôi kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama7 đối	29/01/2015	

	/2015	với Ông Nguyễn Văn Kiên		
2	05/LILAMA7 /HĐQT/QĐ /2015	Bổ nhiệm Ông Tô Minh Thúy Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư xây dựng, thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc giữ chức Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 7.	29/01/2015	
3	09/LILAMA7/ HĐQT/NQ/20 15	Thành lập thêm Phòng Kế hoạch tổng hợp Công ty cổ phần Lilama 7	16/03/2015	
4	27/NQ- LILAMA7	Thành lập Bộ phận Marketing thuộc Phòng Kế hoạch tổng hợp Công ty cổ phần Lilama 7	10/11/2015	
5	28/NQ- LILAMA7	-Thôi nhiệm vụ Đội trưởng Đội lắp số 2, đối với Ông Nguyễn Minh Hoàng. - Thôi giữ chức phó phòng Kinh tế - kỹ thuật đối với Ông Lê Nguyên Lộc. - Bổ nhiệm Ông Lê Nguyên Lộc Đội trưởng Đội lắp máy số 2. - Bổ nhiệm Ông Nguyễn Minh Hoàng phó giám đốc Nhà máy.	11/11/2015	

• *Số lượng cán bộ nhân viên*

Đội ngũ lãnh đạo từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc hiện có

Tt	Chức danh, chức vụ	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng giám đốc Công ty	01	
2	Phó Tổng giám đốc Công ty	03	
3	Kế toán trưởng Công ty	01	
4	Trưởng phòng, Phụ trách bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ	06	
5	Phó phòng, Trưởng bộ phận	07	

6	Giám đốc, Phó giám đốc Nhà máy chế tạo cơ khí	02	
7	Chỉ huy trưởng, Đội trưởng công trình	05	

Cán bộ công nhân viên trong Công ty năm 2015

Tình hình nhân lực Công ty đến ngày 31/12/2015

Tt	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	Năm 2015			
I	Tổng số CBCNV làm việc đầu kỳ	Người	425	
1	Trong đó: - LĐ nữ	Người	15	
2	CBCNV làm việc tại VPCT	Người	53	
3	CBCNV làm việc trực tiếp	Người	372	
II	Tổng số CBCNV tăng giảm năm 2015			
1	Lao động tăng	Người	109	
2	Lao động giảm	Người	84	
III	Tổng số CBCNV cuối năm 2015	Người	450	
1	Trong đó: - LĐ nữ	Người	15	
2	CBCNV làm việc tại VPCT	Người	48	
3	CBCNV làm việc trực tiếp	Người	402	
IV	Thu nhập bình quân trong năm 2015 đồng/tháng/người	Triệu đồng	6,19	

- Trong đó việc ký kết các loại hợp đồng lao động với CBCNV được Công ty thực hiện tốt theo Luật Lao động. Các loại hình HĐLĐ hiện tại ở Công ty, cụ thể:

Các loại HĐLĐ đã ký kết cho CBCNV tính đến thời điểm năm 2015

Loại HĐLĐ	Số lượng (người)	Ghi chú
HĐLĐ dưới 12 tháng	45	
HĐLĐ có xác định thời hạn từ 01 đến 03 năm	264	
HĐLĐ không xác định thời hạn	141	

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/*Major investments:*

Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. Incase the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

Kế hoạch đầu tư tăng năng lực thiết bị thi công trong năm 2015, đã được ĐHCĐ năm 2015 thông qua là 10 tỷ đồng, nhưng trong năm 2015 công ty chỉ tập trung mua sắm chủ yếu là dụng cụ và thiết bị có giá trị nhỏ, đặc biệt là dụng cụ cầm tay để tăng năng suất lao động và đáp ứng nhu cầu cấp bách của Công trình.

b) Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies:*

(Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ *(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).*

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của Công ty: **Không có**

- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do công ty khác nắm giữ: Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên nắm giữ: 2.550.000 cổ phần tương đương: 25.500.000.000 đồng chiếm 51% vốn điều lệ

- Tình hình đầu tư vào các công ty liên kết: Không

- Tóm tắt về hoạt động của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam:

▪ Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên: Công ty nắm giữ 51% vốn cổ phần của Công ty cổ phần Lilama 7

▪ Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0100106313 cấp lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2010

▪ Trụ sở chính: 124 Minh Khai, Q Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

▪ Ngành nghề kinh doanh chính:

+ Sản xuất kinh doanh xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành xây dựng của Nhà nước, bao gồm các lĩnh vực thi công lắp đặt thiết bị máy móc;

+ Tổng thầu EPC xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, buro điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường trạm biển thề;

+ Kinh doanh phát triển nhà, tư vấn xây dựng;

+ Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;

+ Xuất khẩu lao động, vật tư, thiết bị, công nghệ về lắp máy và xây dựng

+ Đầu tư và xây dựng các công trình, bao gồm: công nghiệp (thủy điện, nhiệt điện, xi măng, hóa dầu, giấy và thép), dân dụng, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật đô thị

+ Kinh doanh bất động sản, du lịch lữ hành, khách sạn, nhà hàng và khu vui chơi giải trí, kinh doanh vận tải, hàng hóa, các thiết bị siêu trường, siêu trọng, cho thuê thiết bị thi công và vận tải;

+ Tư vấn xây dựng, tổng thầu toàn bộ hoặc một phần của dự án đầu tư các công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật như: Lập dự án, thiết kế (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký) và lập tổng dự toán, tư vấn giám sát, quản lý dự án, cung cấp thiết bị công nghệ và điều khiển tự động;

+ Thiết kế, chế tạo thiết bị và gia công kết cấu thép cho các công trình công nghiệp, dân dụng;

+ Đóng mới và sửa chữa các loại tàu, thuyền vận tải đường sông và đường biển;

+ Kiểm tra, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động, hệ thống nhiệt cho các dây chuyền công nghệ, giám sát, kiểm tra chất lượng các mối hàn và tính chất cơ lý của vật liệu;

+ Đào tạo Công nhân kỹ thuật các ngành nghề để phục vụ nhu cầu sản xuất cho Tổng công ty và ngoài xã hội; đào tạo nâng cao và cấp chứng chỉ cho thợ hàn, đào tạo và thực hiện đưa người lao động Việt nam (trong và ngoài tổng công ty) đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài;

+ Dịch thuật các tiêu chuẩn và tài liệu chuyên ngành về lĩnh vực chế tạo và lắp đặt thiết bị, dây chuyền công nghệ mới;

+ Kinh doanh, xuất khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng, dây chuyền công nghệ - tự động hóa, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải, làm đại lý tiêu thụ cho các ngành trong và ngoài nước các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng theo quy định của pháp luật

+ Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật.

4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year X – 1	Năm/Year X	% tăng giảm/ % change
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	199.333.633.847	226.454.025.853	
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	132.891.033.293	151.107.224.921	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	1.779.119.837	(1.854.794.144)	
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	(951.279.910)	2.393.910.308	
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	827.839.927	539.116.164	
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	112.831.886	346.521.799	
<i>Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ Payout ratio</i>			
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>			
Doanh thu/ <i>Revenue</i>			
Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i>			
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i>			
Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i>			

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm/Year X - 1	Năm/Year X	Ghi chú/Note
<p>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio</p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> Short term Debt</p>	1.01	1.03	
	0.58	0.65	
<p>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)</p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)</p>	0.71	0.74	
	2.41	2.86	
<p>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover:</p> <p>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)</p> <p>Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets)</p>	1.78	2.1	
	0.667	0.667	
<p>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit/ Net revenue Ratio)</p> <p>.....</p>	0.26	0.07	
	0.59	0.19	
	0.17	0.05	
		1.18	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/Shares:

Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

Cổ phần: - Tổng số cổ phần của Công ty cổ phần Lilama7 là: 5.000.000 CP.

- Loại cổ phần: phổ thông

b. Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure:

Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).

Stt	Họ Và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu tại ngày niêm yết đến ngày 15/03/2015
1	Nguyễn Văn Kiên	Chủ tịch HĐQT -	20.500
2	Tô Minh Thúy	Thành viên HĐQT- Tổng Giám đốc	49.921
3	Nguyễn Hồng Thái	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	7.252
4	Trần Hải Sơn	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	20.364

5	Nguyễn Vịnh	Thành viên HĐQT - Trưởng phòng KTKT	7.124
6	Lê Văn Bảo	Phó Tổng Giám đốc	0
7	Võ Duy Chính	Kế toán trưởng	9.008
8	Nguyễn Mạnh Hường	Trưởng BKS	7.000
9	Trần Anh Dũng	Thành viên BKS	0

Cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 15/03/2016 là: **477 cổ** đông biến động theo tại các thời điểm chốt danh sách.

•Cổ đông lớn:

Cổ đông	Địa chỉ	Số đăng ký kinh doanh	Số cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Tổng công ty lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên	124 phố Minh Khai, Q Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	0100106313	2.550.000	51%

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity:*

Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

Không

d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ/ Transaction of treasury stocks:*

Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*

Cổ đông lớn: Không có giao dịch

e) *Các chứng khoán khác/ Other securities:*

Nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/ *Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number,*

characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.

Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ *Management of raw materials:*

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

Tổng Nguyên vật liệu sử dụng trong năm 2015 là: 1.200 tấn

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

(Không)

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

Tổng năng lượng tiêu thụ trực tiếp trong năm 2015 là: 576.000 KW

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy. (không)*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives. (không)*

6.3. Tiêu thụ nước:

(mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

(Chỉ dùng nước cho sinh hoạt)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

Nguồn cung cấp nước từ Nước máy theo hệ thống nước thành phố Đà Nẵng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused. (Không)*

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment. (Không vi phạm)*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment. (Không vi phạm)*

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

(khoản 2 mục II nêu trên)

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

- Tham gia đầy đủ chế độ chính sách với Người lao động.
- Cải thiện điều kiện làm việc, nơi ăn ở của CBCNV ở Đội công trình và khu tập thể lán Trại.
- Duy trì chế độ khuyến khích thợ giỏi, khoán đơn giá tiền lương trực tiếp xuống đến Người lao động đảm bảo sự công bằng xã hội và kích thích sản xuất phát triển.
- Đẩy mạnh phong trào văn hóa, văn nghệ thể thao quần chúng tạo ra cuộc sống tinh thần sôi động, sống lành mạnh, tích cực tham gia các phong trào với địa phương hiệu quả.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Trong năm 2015 công ty thường xuyên đào tạo và bồi dưỡng tay nghề cho công nhân, tham gia các lớp huấn luyện An toàn lao động cho tất cả công nhân tham gia thi công tại các dự án.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

Công ty thực hiện chương trình cộng đồng xã hội của Đoàn khối Đà Nẵng, xây dựng Nhà tình Nghĩa, đăng ký phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh Hùng trên địa bàn và đóng góp các quỹ bảo trợ cho các tổ chức Trẻ em..

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

(Không)

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company).*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results.*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

(Như Phần II, mục 1 nêu trên)

a. Phân tích những nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh:

• Thuận lợi:

✓ Công ty Cổ phần LILAMA 7 luôn nhận được sự quan tâm giúp đỡ của Tổng công ty, được Tổng công ty giao việc thi công, công trình có giá trị lớn, mang lại hiệu quả cao như Công trình nhà máy thủy điện Mông Dương.

✓ Trong điều kiện suy thoái kinh tế, các doanh nghiệp nói chung gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận vay vốn thì Công ty vẫn được các Ngân hàng hỗ trợ như nâng hạn mức vay vốn ngắn hạn, giảm lãi suất cho vay.

✓ Công ty có được sự đồng thuận và đoàn kết của tập thể CBCNV, cùng sự lãnh đạo và chỉ đạo sát sao của HĐQT, sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và tập thể cán bộ, công nhân viên.

✓ Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng Lãnh đạo công ty luôn quan tâm đến tiền lương và các chế độ đối với Người lao động, đặc biệt là tiền lương, đã tạo được niềm tin của Người lao động đối với Công ty.

• *Khó khăn:*

Những khó khăn trong năm 2015 vẫn tiếp tục là yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch năm 2016 của Công ty, ngoài ra năm 2016 Công ty còn có thể đối mặt với những khó khăn lớn hơn nữa:

✓ Kinh tế vĩ mô còn gặp nhiều khó khăn, sức mua của nền kinh tế yếu. Bên cạnh đó, Lilama7 là đơn vị chưa đủ mạnh để nhận thầu các công trình lớn, đòi hỏi kỹ thuật cao vì vậy Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong tìm kiếm việc làm.

✓ Tình hình cạnh tranh diễn ra rất khốc liệt trong lĩnh vực xây lắp, đặc biệt là khu vực Miền Trung. Một số dự án trọng điểm trong nước đều tập trung ở hai đầu Đất nước. Do đó chi phí sản xuất chưa có có hội giảm nhiều.

✓ Công tác thu hồi vốn đối với các dự án mới rất thuận lợi, tuy nhiên công tác thu hồi vốn đối với các công trình thuộc vốn ngân sách Nhà nước gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến kết quả SXKD của Công ty.

- *Những tiến bộ công ty đã đạt được/The Company's achievements.*

• Về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý điều hành:

- Đã rà soát cơ cấu lại bộ máy quản lý, các phòng, Ban, Đội công trình, Nhà máy cơ khí Lilama7 trực thuộc Công ty trong năm 2015, nhằm đạt bộ máy quản lý tinh gọn và hiệu quả.

-Thực hiện giao khoán lương cho các Phòng ban, đối Đội sản xuất khoán đến trực tiếp người lao động để nâng cao tính chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công nhân tại các đơn vị sản xuất, đặc biệt nâng cao năng suất lao động.

-Nâng mức thu nhập và tiếp tục cải thiện đời sống cho CBCNV Công ty tạo cho người lao động tâm lý yên tâm, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp

-Thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ chi phí thi công, nâng cao hiệu quả sử dụng phương tiện máy móc thiết bị để giảm chi phí sản xuất.

-Trong năm 2015 Công ty thực quy trình ISO 9001:2008 từ 2012, 2013, 2014, 2015 đây là quá trình xây dựng và trưởng thành của Công ty đánh dấu sự phát triển lên tầm cao mới của thương hiệu Công ty cổ phần Lilama 7 lên thị trường, và tiếp tục khắc phục, cải tiến trong năm 2016 và các năm sau nhằm góp phần nâng cao hiệu quả SXKD năm 2016 và các năm tiếp theo.

• Các biện pháp kiểm soát:

- Về tìm kiếm việc làm: Tăng cường công tác đấu thầu và kiểm soát chi phí nhằm chào giá cạnh tranh tăng tỷ lệ trúng thầu, trên cơ sở tổ chức lại bộ phận lập dự toán và đấu thầu chuyên môn hóa từng lĩnh vực. Liên kết với các đơn vị thành viên trong Tổng Lilama để tạo lợi thế cạnh tranh, nhằm thắng thầu các dự án lớn.

-Về kiện toàn bộ máy, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Trên cơ sở sắp xếp và sáp nhập các đội sản xuất có quy mô nhỏ có cùng lĩnh vực hoạt động, hoặc không phù hợp, kém hiệu quả, thành đơn vị có quy mô lớn, có năng lực quản lý, điều hành sản xuất tốt làm nòng cốt cho sự phát triển của Công ty.

Tổ chức quản lý tốt công tác thi công, thông qua việc thực hiện đồng bộ các giải pháp về đầu tư nâng cao năng lực thiết bị, công nghệ, tổ chức quản lý điều hành tốt, sử dụng lực lượng lao động có chất xám, tay nghề và kỹ năng lao động cao, nhằm đảm bảo thi công đúng tiến độ, đạt chất lượng để giữ vững uy tín với khách hàng, đồng thời khẳng định và quảng bá thương hiệu Công ty cổ phần Lilama7.

Đánh giá năng lực và nhu cầu đào tạo đối với nhân sự nhằm nâng cao năng lực chuyên môn của Chỉ huy trưởng, Đội trưởng, cán bộ quản lý đấu thầu, lập dự toán, kỹ sư giám sát thi công, kế toán quản trị. Đồng thời đánh giá năng lực Cán bộ, kỹ sư dựa vào khả năng làm việc độc lập, trình độ ngoại ngữ phục vụ công việc để từ đó xây dựng đội ngũ Cán bộ có chuyên môn tham gia chuyên sâu vào nhóm ngành EPC dầu khí. (*Lọc hóa dầu, Giàn khoan dầu khí, Công nghệ chế biến, v.v...*).

-Về tài chính: Quản lý chi phí vốn vay, tính toán lựa chọn lãi suất và thời điểm thích hợp để vay vốn nhằm tránh tình trạng thừa hoặc thiếu vốn hoạt động. Đồng thời xem xét lại nguồn vốn vay hiện nay, để sắp xếp và cơ cấu nguồn vốn theo hướng hợp lý nhằm giảm chi phí, tạo dựng sự bền vững về tài chính.

Tăng cường nghiệp vụ kế toán quản trị và quản trị tài chính trên cơ sở thu thập số liệu thực tế để lập các chỉ số phản ánh tình hình tài chính của Công ty, nhằm phân tích được xu hướng và dự báo kịp thời để phục vụ công tác quản trị nội bộ và ra quyết định.

Tổ chức có hiệu quả công tác thu hồi vốn, trên cơ sở phân công cụ thể lãnh đạo Công ty phụ trách theo dõi và xử lý kịp thời, có chế độ thưởng đối với đơn vị cá

nhân có thành tích tốt và phạt đối với từng đơn vị, cá nhân gây chậm trễ ảnh hưởng đến công tác thu hồi vốn.

-Về đầu tư nâng cao năng lực máy móc thiết bị thi công: Tập trung tăng cường cải tạo, đầu tư nâng cấp đổi mới dây chuyền công nghệ hiện có, đầu tư mua sắm máy móc thiết bị (cầu, tải cầu v.v..) nhằm tăng năng suất lao động hạ giá thành sản phẩm, đồng thời tạo ra sản phẩm đặc trưng phù hợp thể mạnh như: chế tạo và lắp bồn bể, băng tải các dây chuyền sản xuất.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).*

Chỉ tiêu	31/12/2015	01/01/2015
I. Tài sản ngắn hạn	173.112	142.420
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.211	530
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3. Phải thu ngắn hạn	107.796	80.956
4. Hàng tồn kho	63.793	60.581
5. Tài sản ngắn hạn khác	312	353
II. Tài sản dài hạn	53.342	56.914
1. Tài sản cố định	35.478	43.079
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
3. Tài sản dài hạn khác	17.864	13.835
Tổng tài sản	226.454	199.334

- Tổng tài sản cuối năm 2015 của công ty tăng 13,6% so với cuối năm 2014 chủ yếu là do cuối năm 2015 khoản phải thu ngắn hạn tăng 26.840 tỷ, cuối tháng 12 năm 2015 Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng nhưng qua tháng 1 năm 2016 khách hàng mới thanh toán các khoản nợ này.
- Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao theo thời gian hữu ích của tài sản và phù hợp theo thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bảng các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: triệu đồng.

STT	Các khoản phải thu	Năm 2015	Năm 2014
I	Phải thu ngắn hạn	107.796	80.955
1	Phải thu của khách hàng	98.029	75.014
2	Trả trước cho người bán	6.374	3.505
3	Các khoản phải thu khác	5.460	4.503
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(2.067)	(2.067)
II	Phải thu dài hạn		
Tổng các khoản phải thu		107.796	80.955

b) Tình hình nợ phải trả/ Liabilities

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

Bảng các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nợ phải trả	Năm 2015	Năm 2014
I	Nợ ngắn hạn	167.809	140.802
1	Vay và nợ ngắn hạn	99.258	86.866
2	Phải trả người bán	26.494	17.917
3	Người mua trả tiền trước	1.444	19
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	4.934	6.511
5	Phải trả người lao động	8.915	7.847
6	Chi phí phải trả	707	1.199
7	Doanh thu chưa thực hiện	93	113
8	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	25.964	20.330
II	Nợ dài hạn	0	0
Tổng cộng		167.809	140.802

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.

(Đã nêu phần trên)

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future

- Trong năm 2016 nền kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, giá dầu thế giới giảm sâu. Trong nước, Hội đồng quản trị Công ty xác định kinh tế đã phục hồi, lạm phát đã được kiểm chế, các mặt hàng đầu vào đã giảm đáng kể. Tuy nhiên các doanh nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn, nên việc xây dựng các kế hoạch cho năm nay là hết sức cần trọng. Đối với công tác đầu tư các máy móc thiết bị, Ban tổng giám đốc trình HĐQT xem xét đầu tư thay thế một số thiết bị đã hết giá trị sử dụng để nâng cao năng lực sản xuất đáp ứng nhu cầu thi công trong năm 2016 và các năm tiếp theo.

- Lilama7 là thành viên của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam, tiếp tục giữ vững vị thế doanh nghiệp đầu ngành của Việt Nam trong công tác Lắp máy Phát triển toàn diện từ hệ thống nhân lực cho đến trình độ kỹ thuật sản xuất, tham gia thi công các dự án trong và ngoài nước với yêu cầu cao nhất, làm tổng thầu (EPC) các dự án nhỏ Sản xuất các sản phẩm kết cấu thép đạt tiêu chuẩn quốc tế đủ khả năng đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu ra thị trường nước ngoài

- Trong năm 2016 Công ty cố gắng phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh như sau: DVT: Tỷ đồng

TT	Nội dung	Đvt	TH 2015	Kế hoạch 2016	KH 2016/ TH 2015
1	Giá trị sản lượng	Tr đồng	196.059	236.000	125,00%
2	Doanh thu	Tr đồng	152.601	170.000	112,50%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	828	1.200	145,00%
4	Nộp ngân sách	Tr đồng	8.350	6.550	78,50%
5	Tỷ lệ cổ tức dự kiến	%	0	2	-----
6	Đầu tư XDCB	Tr đồng	0	10,000	-----
7	Tổng số lao động BQ (người)	Tr đồng /Ng/tháng	548	600	109,28%
8	Thu nhập BQ/người/tháng	Tr đồng	6,19	6	97,00%

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

(Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).

(Chi tiết báo cáo đã kiểm toán năm 2015 tại Web www.lilama7.com.vn)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ *Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...)*. (Đã nêu khoản 6 mục I)

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers* (Đã nêu khoản 6 mục I)

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

Công ty cổ phần Lilama7 đóng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng luôn chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Địa phương và của Pháp luật.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/*Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

Mặc dù trong năm 2015 là rất khó khăn, đặc biệt là vốn huy động cho vốn SXKD. Tuy nhiên sự nỗ lực của Ban tổng giám đốc và tập thể cán bộ, công nhân, Công ty cổ phần Lilama7 trong năm 2015 về cơ bản giải quyết vốn cho SXKD đã giảm được áp lực thanh toán nợ đến hạn của Ngân hàng, Đánh giá chung là hoàn thành kế hoạch SXKD đã đề ra, nhất là đã giải quyết công việc làm cho người lao động, tăng thu nhập bình quân so với năm 2014 và giải quyết kịp thời các chế độ liên quan đến người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/ *Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama7 đánh giá trong năm 2015, Ban tổng giám đốc đã thực hiện đúng chức trách và quyền hạn của mình trong việc điều hành Công ty theo điều lệ quy định, Ban tổng giám đốc đã cùng với cán bộ quản lý khác có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện kế hoạch các chỉ tiêu kế hoạch SXKD trong năm 2015.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ *Plans, orientations of the Board of Directors*

- Tiếp tục giữ vững vị thế doanh nghiệp đầu ngành của Việt Nam trong công tác lắp máy Phát triển toàn diện từ hệ thống nhân lực cho đến trình độ kỹ thuật sản xuất, tham gia thi công các dự án trong và ngoài nước với yêu cầu cao nhất, làm tổng thầu (EPC) các dự án vừa và nhỏ Sản xuất các sản phẩm kết cấu thép đạt tiêu chuẩn quốc tế đủ khả năng đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu ra thị trường nước ngoài

- Trong năm 2016 Hội đồng quản trị Công ty quyết tâm chỉ đạo thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh như đã nêu trên. Tạo tiền đề phát triển cho các năm tiếp theo.

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section).

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/Members and structure of the Board of Directors:

(Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ (list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies).

▪ **Hội đồng quản trị:**

TT	Họ và tên	Chức vụ	SCMND	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Văn Kiên	Chủ tịch HĐQT	024058338	Số 51 B P- Phước Long - Q 9 HCM	20.500	0,41
2	Tô Minh Thúy	Ủy viên HĐQT	201674936	25 Lý Nhân Tông Đà Nẵng	49.921	1
3	Nguyễn Hồng Thái	Ủy viên HĐQT	204319852	An Cư- An Hải Bắc- TP Đà Nẵng	7.252	0,15
4	Trần Hải Sơn	Ủy viên HĐQT	194205436	179 đường Ý Lan Nguyễn Phi, Hải Châu, TP Đà Nẵng	20.364	0,41

5	Nguyễn Vịnh	Ủy viên HĐQT	200957548	88- Trần Phước Thành – Khuê Trung – Đà Nẵng	7.124	0,14
---	-------------	-----------------	-----------	---------------------------------------------------	-------	------

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/The committees of the Board of Director:

(Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee).

Không phát sinh

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors:

đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings.*

- Hội đồng quản trị giám sát công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong các kỳ thông qua các thông tin trên báo cáo (hoặc báo cáo trực tiếp) do Ban Tổng giám đốc Công ty trình tại các cuộc họp HĐQT. Ngoài ra, HĐQT thực hiện việc giám sát thông qua hoạt động của Ban kiểm soát để đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, quyết định HĐQT.

- Trong năm 2015 Hội đồng quản trị Công ty họp 14 phiên, kết quả giám sát cho thấy Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng quyền và nhiệm vụ của mình như quy định tại điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Lilama7, tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán...

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/LILAMA7/HĐQT/NQ/2015	28/01/2015	Thôi kiêm giữ chức vụ tổng giám đốc công ty.
2	02/LILAMA7/HĐQT/NQ/2015	29/01/2015	Bổ nhiệm Ông Tô Minh Thúc giữ chức vụ Tổng giám đốc
3	03/LILAMA7/HĐQT/QĐ/2015	28/01/2015	Thôi kiêm giữ chức vụ tổng giám đốc công ty.
4	05/LILAMA7/HĐQT/QĐ/2015	29/01/2015	Bổ nhiệm Ông Tô Minh Thúc giữ chức vụ Tổng giám đốc
5	09/LILAMA7/HĐQT/NQ/2015	06/03/2015	Thành lập phòng KH-TH
6	19/LILAMA7/ĐHĐCĐT/2015	20/04/2015	Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015.

7	20/LILAMA7/HĐQT/NQ/2015	26/05/2015	Cải tạo sửa chữa mặt tiền nhà văn phòng Công ty.
8	21/LILAMA7/HĐQT/NQ/2015	26/05/2015	Ban hành quy chế bổ nhiệm cán bộ.
9	22/LILAMA7/HĐQT/QĐ/2015	28/05/2015	Phê duyệt kế hoạch chào giá cạnh tranh.
10	23/LILAMA7/HĐQT/QĐ/2015	30/05/2015	Phê duyệt kết quả chào giá cạnh tranh.
11	24/LILAMA7/HĐQT/NQ/2015	10/06/2015	Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015
12	25/LILAMA7/HĐQT/NQ/2015	30/06/2015	Thông qua Quy định về thang bảng lương và tiêu chuẩn chức danh của Công ty cổ phần Lilama7.
13	27/NQ-LILAMA7	03/11/2015	Thành lập bộ phận Marketing thuộc phòng KH-TH Công ty cổ phần Lilama7.
14	28/NQ-LILAMA7	09/11/2015	-Thôi giao nhiệm vụ Đội trưởng Đội Lắp máy số 2, đối Với Ông Nguyễn Minh Hoàng kỹ sư cơ khí kể từ ngày 11/11/2015. -Bổ nhiệm Ông Lê Nguyên Lộc, Đội trưởng Đội Lắp máy số 2, kể từ ngày 11/11/2015.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/Activities of independent members of the Board of Directors.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/ *Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/ *assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*).

(Không phát sinh trong năm)

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.

(Không phát sinh trong năm)

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Members and structure of the Board of Supervisors:

(Danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/ list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company).

TT	Họ và tên	Chức vụ	SCMND	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Mạnh Hường	Trưởng Ban kiểm soát	131617690	P808 nhà N01 khu Ba Hàng A -282 Lĩnh Nam - HN	7.000	0,15
2	Trần Anh Đức	Thành viên Ban kiểm soát	182505164	Hòa Thọ Đông- Đà Nẵng	0	0
3	Trần Anh Dũng	Thành viên Ban kiểm soát	230541849	Hòa Ninh- Liên Chiểu – Đà Nẵng	0	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/Activities of the Board of Supervisors:

(Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings).

Hoạt động của Ban kiểm soát:

+ Ban kiểm soát công ty họp định kỳ cùng với các kỳ họp HĐQT Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ Công ty

+ Hàng năm Ban kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội cổ đông thường niên xem xét quyết định.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/Salary, rewards, remuneration and benefits:

(Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently).

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thù lao của HĐQT

TT	Thành phần	Chức vụ	Thù lao được hưởng /đồng/ người/tháng	Tiền lương, tiền thưởng BQ đồng/người/tháng
1	Nguyễn Văn Kiên	Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc	0	24.000.000
2	Tô Minh Thúy	TV.HĐQT - Tổng giám đốc	2.100.000	
3	Nguyễn Hồng Thái	TV.HĐQT- Phó tổng giám đốc	2.100.000	
4	Trần Hải Sơn	TV.HĐQT- Phó tổng giám đốc	2.100.000	
5	Nguyễn Vịnh	TV.HĐQT- Trưởng phòng KT-KT	2.100.000	
6	Nguyễn Văn Tuấn	Thư ký HĐQT- Phó phòng KT-KT	1.575.000	

Thù lao Ban kiểm soát

TT	Thành phần	Chức vụ	Thù lao được hưởng /đồng/	Tiền lương, tiền thưởng BQ
----	------------	---------	---------------------------	----------------------------

			người/tháng	đồng/người/tháng
1	Nguyễn Mạnh Hưởng	Trưởng BKS	2.100.000	
2	Trần Anh Đức	TV.BKS	1.575.000	
3	Trần Anh Dũng	TV.BKS	1.575.000	

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/Transactions of internal shareholders:*

(Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*). (Không phát sinh)

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ Contracts or transactions with internal shareholders:*

Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nội trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights*.

(Không phát sinh)

d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ Implementation of regulations on corporate governance:*

(Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance*). (Không phát sinh)

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm:

Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).*

Toàn văn Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của Công ty được đăng tải trên Website của Công ty cổ phần Lilama7 theo địa chỉ: <http://www.lilama7.com.vn>

**ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA7
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tô Minh Thúy